

Bản án số: 108/2022/HS-PT
Ngày 23-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Thẩm phán: Ông Đoàn Hoài Trí;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Minh Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 23 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 86/2022/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn D và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng B, Trần Xuân N, Trương Quốc B, Nguyễn Văn N và Nguyễn Quang L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 385/2021/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 2000 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở: đường D, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1978 và bà Đào Thị T, sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

2. Hoàng B, sinh năm 1998 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; nơi ở: Đường N, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Hoàng B, sinh năm 1966 và

bà Đinh Thị A, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Trần Xuân N, sinh năm 1996 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; nơi ở: đường N, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Hoàng E, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1977; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021 được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

4. Trương Quốc B, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi ở: Đường N, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trương Minh T, sinh năm 1974 và bà Phạm Thị V, sinh năm 1974; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 31/12/2020 được áp dụng biện pháp bảo lãnh.

5. Nguyễn Văn N, sinh năm 1998 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nơi ở: Đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Q (đã chết) và bà Hoàng Thị M, sinh năm 1960; tiền án, tiền sự: không; được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Nguyễn Quang L, sinh năm 1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Đường N, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Đường N, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nhân viên phục vụ; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: không; được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có 04 bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 11/12/2020, ông Bùi Văn P, Nguyễn Văn B, Trịnh Hữu T, Bùi Xuân B đi hát karaoke tại quán T đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Hoàng B, Lê Văn B, Trần Xuân N,

Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Trương Quốc B, Nguyễn Doãn L, Lê Phạm Phát Đ, Nguyễn Quang L, Nguyễn Văn N là nhân viên phục vụ của quán karaoke T.

Đến 23 giờ 40 phút, Nguyễn Phương Đ là nhân viên phục vụ vào phòng hát 203 mở nhỏ nhạc và thông báo quán sắp đóng cửa rồi đi ra đóng cửa phòng gây tiếng động mạnh làm những người hát karaoke bức tức. Lúc này B đi ra nói chuyện với nhân viên tên Đ và quản lý Lê Nguyễn Trung K phản ánh nhân viên có thái độ không tốt với khách, K và Đ xin lỗi mong khách bỏ qua vì quán sắp đến giờ đóng cửa.

Không đồng ý với thái độ của Đ, B dùng tay tát vào mặt Đ một cái và yêu cầu gặp chủ quán quán để nói chuyện. Lúc này, phòng 203 nghỉ hát và tính tiền đi về. Khi Bùi Văn P, Nguyễn Văn B, Trịnh Hữu T, Bùi Xuân B đi xuống khu vực hầm để xe thì tiếp tục xảy ra cãi vã với các nhân viên phục vụ của quán. Lúc này các nhân viên nam của quán gồm: Hoàng B, Lê Văn B, Trần Xuân N, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Trương Quốc B, Nguyễn Doãn L, Lê Phạm Phát Đ, Nguyễn Quang L, Nguyễn Văn N xông vào dùng cây gỗ, cây nhựa cứng, tip sắt, xẻng, nón bảo hiểm, cây lau nhà, tay chân xông vào đánh, đâm, đá Bùi Văn P, Nguyễn Văn B, Trịnh Hữu T, Bùi Xuân B. Các bị cáo đánh Bùi Văn P, Trịnh Hữu T ngã gục trong khu vực hầm để xe, Nguyễn Văn B, Bùi Xuân B bị đánh nhưng vẫn cố chạy thoát ra được khu vực ngoài cổng của quán. Khi các bị hại bỏ chạy thì nhóm bị cáo đuổi theo một đoạn rồi dừng lại không đánh nữa, sau đó tất cả vứt bỏ hung khí, thu dọn đồ đạc đi về.

Sau khi bị đánh thương tích, Bùi Văn P, Nguyễn Văn B, Trịnh Hữu T, Bùi Xuân B được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện quân đoàn 4 và có đơn yêu cầu giám định tỷ lệ thương tích, yêu cầu khởi tố vụ án gửi đến Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D. Quá trình điều tra xác định hành vi của các bị cáo như sau:

Lê Văn B sử dụng 01 cây tầm vông dài khoảng 80cm đánh 03 cái từ trên cao xuống vào người của B rồi chạy qua đánh một phát vào người của P khi P đang ngồi dưới đất. Phạm Minh T sử dụng 01 cây tầm vông dài khoảng 80cm đánh 03 cái từ trên cao xuống vào người của ông T rồi chạy qua đánh một cái vào người của ông P khi P đang ngồi dưới đất. Hoàng B sử dụng 01 cái xẻng dài khoảng 80cm đánh một phát vào người của ông T khi T đang nằm dưới đất, chạy qua chỗ ông P dùng tay đâm 4 đến 5 cái vào người P khi P đang ngồi dưới đất. Nguyễn Quang L dùng tay tát vào mặt P 03 cái, vật ngã ông P xuống nền nhà, dùng tay chân đâm đá liên tục vào người P. Nguyễn Văn N dùng tay chân đâm đá liên tục vào người ông B và B, rồi lấy xẻng đuổi theo B ra đến cổng quán nhưng không đuổi kịp. Trương Quốc B sử dụng ống nhựa cứng dài khoảng 50cm đánh 03 cái vào người ông T, rồi chạy lại chỗ ông P đang nằm dưới đất đánh một cái vào người P. Nguyễn Doãn L sử dụng 01 cây tầm vông dài khoảng 80cm đánh 02 cái vào người ông P khi P đang nằm dưới đất. Nguyễn Văn D sử dụng cây lau nhà dài khoảng 50cm đánh 03 cái vào người ông P khi P bị ngã xuống đất, D tiếp tục đánh thêm 05 cái vào người P, rồi chạy sang đánh 01 cái vào người T. Lê Phạm Phát Đ sử dụng 01 cây tầm vông dài khoảng 80cm đánh liên tục 07 cái vào người của ông T. Trần Xuân N sử dụng 01 cây tầm vông dài

khoảng 80cm cầm trên tay chạy lại chỗ P đang nằm dưới đất dùng chân đá 01 phát vào mặt P. Toàn bộ diễn biến vụ án được các camera an ninh tại karaoke T ghi lại. Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

* Căn cứ vào Bản kết luận giám định số 623/2020/GĐPY ngày 18/12/2020 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích của Bùi Văn P như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Chấn thương gãy xương chính mũi đã cal.
 - Mắt trái: Chấn thương sung nề bầm tím hốc mắt, xuất huyết kết mạc góc ngoài, gãy sụn hốc mắt đã cal. Thị lực mắt trái 6/10, mắt phải 10/10.
 - Chấn thương sung nề rải rác vùng lưng, hiện đã lành không còn dấu tích.
- * Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng vết thương:
 - Chấn thương gãy xương chính mũi đã Cal. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 07%.
 - Mắt trái: Chấn thương sung nề bầm tím hốc mắt, xuất huyết kết mạc góc ngoài, gãy sụn hốc mắt đã cal. Thị lực mắt trái 6/10, mắt phải 10/10. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 10%.
 - Chấn thương sung nề rải rác vùng lưng, hiện đã lành không còn dấu tích. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 00%.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 16%.

3. Cơ chế hình thành vết thương:
 - Chấn thương đầu, mặt: Gãy xương chính mũi + gãy sụn hốc mắt trái: gãy xương kín không có vết thương ngoài da, khả năng do vật tày gây ra.
 - Chấn thương sung nề rải rác vùng lưng, hiện đã lành không còn dấu tích nên không xác định được cơ chế hình thành vết thương.

* Căn cứ vào Bản kết luận giám định số 624/2020/GĐPY ngày 18/12/2020 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích của Nguyễn Văn B như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
 - Vết thương đỉnh đầu 2,5cm x 0,3cm, đang lành sẹo.
 - Vết thương xây xát da mặt sau 1/3 dưới cánh tay trái 0,7cm x 0,1cm, sẹo lành.
2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 02%.
3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương.

- Vết thương đỉnh đầu: chiều từ sau ra trước, hướng từ trên xuống, bờ tương đối gọn, khả năng do vật tày có cạnh gây ra.

- Vết thương xây xát mặt sau 1/3 dưới cánh tay trái: chiều nằm ngang, hướng từ sau ra trước, bờ tương đối gọn, khả năng do vật tày có cạnh gây ra.

* Căn cứ vào Bản kết luận giám định số 621/2020/GĐPY ngày 18/12/2020 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích của Trịnh Hữu T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương gãy cung tiếp xương gò má trái đã cal.

- Vết thương xây xát da vùng đỉnh chẩm 2 x 0,2cm, xây xát da mặt sau khuỷu tay phải 2 x 0,3cm, lành da.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể từng vết thương:

- Chấn thương gãy cung tiếp xương gò má trái đã cal. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 08%.

- Vết thương xây xát da vùng đỉnh chẩm 2 x 0,2cm, xây xát da mặt sau khuỷu tay phải 2 x 0,3cm, lành da. Được xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 09%.”

3. Cơ chế hình thành vết thương:

- Chấn thương gãy cung tiếp xương gò má trái: gãy xương kín không có vết thương ngoài da, khả năng do vật tày gây ra.

- Vết thương xây xát da vùng đỉnh chẩm: Chiều nằm ngang, hướng từ trước ra sau, bờ không sắc gọn, khả năng do vật tày gây ra.

- Vết thương xây xát da mặt sau khuỷu tay phải: Chiều từ trên xuống, hướng từ trước ra sau, bờ không sắc gọn, khả năng do vật tày gây ra.

* Căn cứ vào Bản kết luận giám định số 625/2020/GĐPY ngày 18/12/2020 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Bình Dương kết luận thương tích của Bùi Xuân B như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương đầu sừng nề vùng đỉnh, đã lành, không còn dấu tích.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 00%.

3. Kết luận khác: Cơ chế hình thành vết thương.

- Chấn thương đầu sừng nề vùng đỉnh, đã lành, không còn dấu tích nên không xác định được cơ chế hình thành vết thương.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 385/2021/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Minh T, Lê Văn B, Trần Xuân N, Hoàng B, Nguyễn Văn D, Nguyễn Doãn L, Lê Phạm Phát Đ, Trương Quốc B, Nguyễn Quang L, Nguyễn Văn N phạm tội cố ý gây thương tích.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Minh T cho Ủy ban nhân dân phường Chánh N, thành phố T, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Văn B 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn B cho Ủy ban nhân dân Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hoàng B 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Doãn L Xử phạt 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Doãn L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt bị cáo Lê Phạm Phát Đ 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Phạm Phát Đ cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Quốc B 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tại phiên tòa các bị cáo xác định kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của các bị cáo thống nhất và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 23 giờ 48 phút ngày 11/12/2020, tại quán karaoke T, địa chỉ đường N, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Hoàng B, Lê Văn B, Trần Xuân N, Nguyễn Văn D, Phạm Minh T, Trương Quốc B, Nguyễn Doãn L, Lê Phạm Phát Đ, Nguyễn Quang L, Nguyễn Văn N đã có hành vi dùng cây gỗ, cây nhựa cứng,-tip sắt, xẻng, nón bảo hiểm, cây lau nhà (là những hung khí nguy hiểm) và tay chân đánh gây thương tích cho Bùi Văn P với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16%, Trịnh Hữu T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 09%, Nguyễn Văn B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02% và Bùi Xuân B với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 00%.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa

phương. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi dùng hung khí nguy hiểm tác động vào người của các bị hại sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng B, Trương Quốc B và Nguyễn Quang L: Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo Hoàng B cung cấp tình tiết có thành tích trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, bị cáo có cha là ông Hoàng Văn B từng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã xuất ngũ, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn D, Trương Quốc B, và Nguyễn Quang L không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là không nặng nề cả việc bị cáo B có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Xuân N: Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Trần Xuân N cung cấp tình tiết có ông nội là ông Trần Văn Đ có công cách mạng, bà nội là bà Châu Thị Đèo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, hiện là thương binh $\frac{3}{4}$, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này vai trò của bị cáo N tương đương với các bị cáo khác, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn N: Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn N tham gia đánh bị hại B và B, cụ thể là dùng tay, chân đá vào người bị hại B và B, thương tích của bị hại B là 09% và bị hại B là 0%, bị cáo không tham gia đánh bị hại P (thương tích 16%). Bị hại đã có đơn xin rút yêu cầu khởi tố và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian cũng không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu

tranh phòng, chống tội phạm, cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được hưởng án treo theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ răn đe và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo là có cơ sở chấp nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phần lớn là phù hợp, riêng đối với đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Xuân N và Nguyễn Văn N là chưa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm:

Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Xuân N và Nguyễn Văn N không phải chịu theo quy định.

Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng B, Trương Quốc B và Nguyễn Quang L phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng B, Trương Quốc B và Nguyễn Quang L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 385/2021/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng B, Trương Quốc B và Nguyễn Quang L như sau:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng B, Trương Quốc B và Nguyễn Quang L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

Xử phạt bị cáo Hoàng B 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Quốc B 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 31/12/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tổ tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Xuân N và Nguyễn Văn N. Sửa Bản án sơ thẩm số 385/2021/HS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với các bị cáo Trần Xuân N và Nguyễn Văn N về hình phạt như sau:

Tuyên bố các bị cáo Trần Xuân N và Nguyễn Văn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 12/12/2020 đến ngày 10/4/2021.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, thời gian thử thách tính từ ngày 23/5/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự, Điều 23, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trần Xuân N và Nguyễn Văn N không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Văn D, Hoàng B, Trương Quốc B và Nguyễn Quang L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (2);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (thay văn bản thông báo);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án, NTTTT, 26.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Cao Huy Cường